

Số: 85/2018/QĐST-HNGĐ

Việt Yên, ngày 22 tháng 06 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 06 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thụ lý số:98/2016/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2016.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh B

Ủy quyền cho bà Giáp Thị V, sinh năm 1983 (văn bản ủy quyền ngày 27/4/2016 của ông Ng).

Bị đơn: Bà Phan Thị Th, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988

2. Chị Thân Thị M, sinh năm 1990

Đều trú quán: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh B

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990

Trú quán: Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh B

4. Bà Thân Thị K, sinh năm 1926

Trú quán: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh B.

5. Bà Thân Thị B, sinh năm 1958

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983

7. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985

Đều trú quán: Thôn T, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.

(Bà K, bà B, anh T, chị M đều ủy quyền cho bà Giáp Thị V).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Giáp Thị V (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Ng, bà Thân Thị K, bà Thân Thị B, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị M) và bà Phan Thị Th, anh Nguyễn Văn S, chị Thân Thị M, chị Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận:

+ Công nhận số tài sản riêng của vợ chồng anh S chị M gồm: 01 nhà vệ sinh xây năm 2014; 01 bộ bàn ghế đồng ky; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; một nửa sân gạch lá nem và không yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung.

+ Ông Nguyễn Văn Ng (do bà Giáp Thị V đại diện theo ủy quyền) nhận và có trách nhiệm giao lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Ng gồm bà Thân Thị K, bà Thân Thị B, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị M được quản lý, sử dụng, định đoạt đối với 210m² diện tích đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 1 ở Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh B (gồm đất ở và đất vườn có sơ đồ thửa đất kèm theo trị giá 64.896.000 đồng) cùng các tài sản là động sản trên đất ở phía có nhà cấp 4 gồm: 01 nhà cấp 4 trị giá 22.438.700 đồng, 01 nửa sân gạch lá nem trị giá 2.756.000 đồng, 01 nhà vệ sinh xây năm 2014 trị giá 9.680.000 đồng (Đối với nhà vệ sinh xây năm 2014 là tài sản riêng của anh S và chị M nhưng anh S và chị M đồng ý sáp nhập vào khối tài sản chung của ông Ng, bà T và không yêu cầu ông Ng, bà T phải trích trả giá trị tài sản).

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn Ng được hưởng là: 99.770.700 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bảy trăm đồng).

+ Bà Phan Thị Th được sử dụng 210m² đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 1 ở Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh B (gồm đất ở và đất vườn có sơ đồ thửa đất kèm theo trị giá 64.896.000 đồng) cùng các tài sản là động sản trên đất ở phía có nhà 2 tầng gồm: 01 nhà 02 tầng trị giá 131.144.000 đồng, 01 giếng đào trị giá 720.000 đồng, 01 ti vi 200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 196.960.000 đồng (một trăm chín sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) bao gồm cả giá trị tài sản chung mà bà T được hưởng và tài sản thừa kế của anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị T được hưởng từ phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng. Bà Phan Thị Th không phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho ông Nguyễn Văn Ng (do các đồng thừa kế thứ nhất của ông Ng được nhận).

+ Tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng dành cho anh Nguyễn Văn S sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị T sinh năm 1990 nằm trong phần tài sản đã chia cho bà Phan Thị Th và anh S, chị T thống nhất không yêu cầu trích chia hay khởi kiện chia thừa kế trong phần tài sản đã giao cho ông Nguyễn Văn Ng do bà Giáp Thị V làm đại diện theo ủy quyền.

+ Bà T, anh S, chị M được sử dụng nhà vệ sinh nằm trên phần đất giao cho ông Ng trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 14/6/2018.

+ Anh S, chị M được tháo dỡ 01 téc nước và 01 bình nóng lạnh nằm trong nhà vệ sinh trên phần đất đã giao cho ông Ng (đây là các tài sản riêng của anh chị mua sắm để sử dụng, không liên quan đến khối tài sản chung của ông Ng và bà T).

-Về chi phí thẩm định và định giá: Tổng số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Phan Thị Th phải chịu 1.575.000 đồng

(một triệu năm trăm bảy năm nghìn đồng), ông Nguyễn Văn Ng do bà Giáp Thị V đại diện theo ủy quyền phải chịu 1.575.000 đồng (một triệu năm trăm bảy năm nghìn đồng). Xác nhận ông Nguyễn Văn Ng do bà Giáp Thị V đại diện theo ủy quyền đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định và định giá. Bà T phải có trách nhiệm trả cho ông Ng do bà V đại diện theo ủy quyền số tiền 1.575.000 đồng (một triệu năm trăm bảy năm nghìn đồng). Xác nhận bà T đã thanh toán đủ cho ông Ng do bà V đại diện theo ủy quyền số tiền 1.575.000 đồng.

+Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, bà Phan Thị Th sinh năm 1956 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

+ Ông Nguyễn Văn Ng (do bà Giáp Thị V đại diện theo ủy quyền) phải chịu 2.494.000 đồng (hai triệu bốn trăm chín tư nghìn đồng) tiền án phí. Hoàn trả ông Ng (do bà Giáp Thị V đại diện theo ủy quyền) số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn thừa 4.506.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/04094 ngày 31/05/2016 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lương Thị Thanh Quyên